

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 150/2003/NĐ-CP ngày 08/12/2003 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh số 42/2002/PL-UBTVQH10 ngày 25 tháng 5 năm 2002 về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam; quy định về các biện pháp tự vệ; thủ tục điều tra và áp dụng các biện pháp này trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa quá mức vào Việt Nam, gây thiệt hại

nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước.

Điều 2. Các biện pháp tự vệ

Các biện pháp tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam bao gồm:

1. Tăng mức thuế nhập khẩu so với mức thuế nhập khẩu hiện hành;
2. Áp dụng hạn ngạch nhập khẩu;
3. Áp dụng hạn ngạch thuế quan;
4. Áp dụng thuế tuyệt đối;
5. Cấp phép nhập khẩu để kiểm soát nhập khẩu;
6. Phụ thu đối với hàng hóa nhập khẩu;
7. Các biện pháp khác.

Điều 3. Xác định ngành sản xuất trong nước

Ngành sản xuất trong nước là toàn bộ các nhà sản xuất hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam hoặc đại diện hợp pháp của họ chiếm tỷ lệ ít nhất 50% tổng sản lượng hàng hóa của ngành đó được sản xuất ra ở trong nước.

Điều 4. Giải thích khái niệm

Trong Nghị định này, những khái niệm dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Nhập khẩu hàng hóa quá mức*” là việc nhập khẩu hàng hóa với khối lượng, số lượng hoặc trị giá gia tăng một cách

tuyệt đối hoặc tương đối so với khối lượng, số lượng hoặc trị giá của hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước.

2. “*Thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước*” là tình trạng ngành sản xuất đó suy giảm một cách đáng kể về sản lượng, mức tiêu thụ trong nước, lợi nhuận sản xuất, tốc độ phát triển sản xuất; gia tăng mức tồn đọng hàng hóa; ảnh hưởng xấu đến việc làm, mức tiền lương, đầu tư và tới các chỉ tiêu khác của ngành sản xuất trong nước sản xuất hàng hóa đó.

3. “*Đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước*” là khả năng chắc chắn, rõ ràng và chứng minh được về sự thiệt hại nghiêm trọng gây ra cho ngành sản xuất trong nước.

4. “*Hàng hóa tương tự*” là hàng hóa giống hệt nhau hoặc giống nhau về chức năng, công dụng, chỉ số chất lượng, tính năng kỹ thuật và các thuộc tính cơ bản khác.

5. “*Hàng hóa cạnh tranh trực tiếp*” là hàng hóa có khả năng được người mua chấp nhận thay thế cho hàng hóa thuộc phạm vi áp dụng các biện pháp tự vệ do ưu thế về giá và mục đích sử dụng.

Chương II

ĐIỀU TRA ĐỂ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP TỰ VỆ

Điều 5. Thủ tục điều tra

1. Bộ Thương mại là cơ quan chịu trách nhiệm điều tra trước khi quyết định áp dụng hoặc không áp dụng các biện pháp tự vệ.

2. Việc điều tra được tiến hành khi:

a) Có hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ của tổ chức, cá nhân đại diện cho ngành sản xuất trong nước theo nội dung tại Điều 10 của Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam.

b) Có bằng chứng chứng minh sự cần thiết phải áp dụng các biện pháp tự vệ.

3. Căn cứ hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ hoặc các bằng chứng đã được thẩm định, Bộ Thương mại ra quyết định tiến hành điều tra hoặc không tiến hành điều tra theo các nguyên tắc quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam.

4. Trong quá trình điều tra, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp các thông tin cần thiết theo yêu cầu của Bộ Thương mại.

5. Sau khi kết thúc điều tra (theo thời hạn quy định tại Điều 18 của Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam), Bộ Thương mại công bố công khai kết quả điều tra.

6. Trên cơ sở kết quả điều tra, sau khi tiến hành tham vấn giữa các bên liên quan; tham khảo ý kiến trong trường hợp

cần thiết của các Bộ, ngành liên quan về hình thức các biện pháp tự vệ (nếu áp dụng) và hậu quả của việc áp dụng các biện pháp này, Bộ Thương mại ra quyết định áp dụng hoặc không áp dụng các biện pháp tự vệ. Quyết định này phải được công bố công khai.

Điều 6. Nội dung của đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp tự vệ

Đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp tự vệ do Bộ Thương mại quy định, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Mô tả chi tiết hàng hóa nhập khẩu theo đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng, mã số hàng hóa theo biểu thuế nhập khẩu cùng thuế suất thuế nhập khẩu đang áp dụng phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất - nhập khẩu hiện hành của Việt Nam.

2. Mô tả chi tiết hàng hóa tương tự hay hàng hóa cạnh tranh trực tiếp theo đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng;

3. Tên và địa chỉ của các cá nhân, doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của các doanh nghiệp đứng tên trong đơn yêu cầu và đại diện của các nhà sản xuất hàng hóa tương tự hay hàng hóa cạnh tranh trực tiếp;

4. Tỷ lệ phần trăm lượng hàng hóa nhập khẩu so với sản lượng hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp trong nước của cá nhân, tổ chức doanh nghiệp đứng tên trong đơn yêu cầu;

5. Thông tin về khối lượng, số lượng và trị giá của hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng điều tra của năm hiện tại và từng năm trong giai đoạn 3 năm liên tiếp trước khi có yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ;

6. Mô tả sự gia tăng nhập khẩu, một cách tuyệt đối hay tương đối so với sản xuất trong nước;

7. Thông tin liên quan đến thiệt hại nghiêm trọng hay đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước của năm hiện tại và từng năm trong giai đoạn 3 năm liên tiếp trước khi có yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ, bao gồm:

a) Số lượng, khối lượng và trị giá của hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước;

b) Hệ số sử dụng công suất sản xuất;

c) Thị phần;

d) Mức tồn kho;

đ) Mức lãi hoặc lỗ;

e) Chỉ số năng suất lao động;

g) Số lượng lao động, tỷ lệ lao động và thu nhập trong ngành sản xuất trong nước;

h) Thay đổi về tình hình tiêu thụ hàng hóa: số lượng, mức giá;

i) Các thông tin cần thiết khác có liên quan.

8. Thông tin liên quan đến khả năng gia tăng nhập khẩu và khả năng xuất khẩu hoặc mức tồn kho của các nước

xuất khẩu đối với hàng hóa thuộc đối tượng điều tra dẫn đến đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước nếu có;

9. Giải trình về sự thiệt hại nghiêm trọng đã và đang xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng do hàng hóa nhập khẩu quá mức;

10. Yêu cầu cụ thể về biện pháp tự vệ, áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời và thời hạn áp dụng các biện pháp này;

11. Kế hoạch điều chỉnh của ngành sản xuất trong nước để nâng cao khả năng cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu là đối tượng yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp tự vệ.

Điều 7. Nội dung quyết định tiến hành điều tra để áp dụng biện pháp tự vệ

Quyết định của Bộ Thương mại về việc bắt đầu tiến hành điều tra để áp dụng biện pháp tự vệ, bao gồm các nội dung sau:

1. Mô tả chi tiết hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng điều tra, bao gồm cả đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng của hàng hóa, mã số hàng hóa trong biểu thuế nhập khẩu cùng thuế suất thuế nhập khẩu đang áp dụng, phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu hiện hành của Việt Nam;

2. Mô tả chi tiết hàng hóa tương tự hay hàng hóa cạnh tranh trực tiếp, bao gồm cả đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng;

3. Tên của các doanh nghiệp và đại diện của các tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất hàng hóa tương tự hay hàng hóa cạnh tranh trực tiếp (nếu có) yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ;

4. Tên nước hoặc các nước xuất xứ của hàng hóa thuộc đối tượng điều tra;

5. Tóm tắt thông tin về sự gia tăng nhập khẩu của hàng hóa thuộc đối tượng điều tra và thiệt hại nghiêm trọng hoặc nguy cơ gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho sản xuất trong nước do sự gia tăng nhập khẩu.

Điều 8. Nội dung điều tra về thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng

Việc điều tra xác định gia tăng nhập khẩu hàng hóa gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước dựa trên các yếu tố sau:

1. Tỷ lệ và mức tăng đột biến nhập khẩu tuyệt đối hay tương đối của hàng hóa thuộc đối tượng điều tra so với sản xuất hàng hóa tương tự hay hàng hóa cạnh tranh trực tiếp của ngành sản xuất trong nước;

2. Tác động của việc gia tăng nhập khẩu của hàng hóa thuộc đối tượng điều tra đến thị phần trong nước;

3. Mức giá của hàng hóa thuộc đối tượng điều tra so với giá của hàng hóa tương tự hay hàng hóa cạnh tranh trực tiếp của ngành sản xuất trong nước;

4. Tác động của việc gia tăng nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng điều tra đến ngành sản xuất trong nước thông qua các yếu tố, như: sản lượng, hệ số sử dụng công suất sản xuất, mức tiêu thụ, thị phần, mức giá, năng suất lao động, mức lãi hoặc lỗ, tỷ lệ người có công ăn việc làm, thu nhập và các yếu tố khác gây ra hoặc có nguy cơ gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước;

5. Mức tồn kho, tiềm năng, khả năng xuất khẩu thực tế, khả năng gia tăng xuất khẩu loại hàng hóa thuộc đối tượng điều tra của một nước hay các nước xuất khẩu;

6. Các yếu tố liên quan khác cần thiết cho việc điều tra.

Điều 9. Bảo mật thông tin

Bộ Thương mại có trách nhiệm bảo mật thông tin do cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quá trình điều tra cung cấp; không được công bố công khai khi chưa được sự đồng ý của bên cung cấp thông tin.

Điều 10. Tham vấn trong điều tra

1. Các bên liên quan đến quá trình điều tra có quyền trình bày các chứng cứ bằng văn bản; tiến hành tranh luận và thể hiện các quan điểm về lợi ích kinh tế - xã hội khi áp dụng các biện pháp tự vệ.

2. Bộ Thương mại sẽ tham vấn các bên liên quan trong điều tra và lập biên bản tham vấn thông báo công khai, ngoại trừ các thông tin được bảo mật.

Chương III

ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP TỰ VỆ

Điều 11. Thông báo áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời

Việc quyết định áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời trước khi kết thúc điều tra thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 20 của Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam

Quyết định áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời được thông báo công khai với các nội dung sau:

1. Mô tả chi tiết hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng điều tra, bao gồm cả đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng của hàng hóa, mã số hàng hóa trong biểu thuế nhập khẩu cùng thuế suất thuế nhập khẩu đang áp dụng, phù hợp Danh mục hàng hóa xuất - nhập khẩu hiện hành của Việt Nam;

2. Mô tả chi tiết hàng hóa tương tự hay hàng hóa cạnh tranh trực tiếp, bao gồm cả đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng;

3. Tên của các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa tương tự hay hàng hóa cạnh tranh trực tiếp, nếu có;

4. Tên nước hoặc các nước xuất xứ của hàng hóa áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời;

5. Mức tăng thuế nhập khẩu khi áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời;

6. Thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời;

7. Các thông tin, bằng chứng chứng minh việc gia tăng nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng điều tra gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước nếu có;

8. Các thông tin, bằng chứng chứng minh việc chậm áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời sẽ gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước và khó có thể khắc phục được.

Điều 12. Hoàn trả chênh lệch thuế nhập khẩu khi áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời

1. Trong trường hợp kết quả điều tra của Bộ Thương mại cho thấy việc áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời là không cần thiết hoặc chỉ nên ấn định mức tăng thuế nhập khẩu ở mức thấp hơn so với mức tăng thuế nhập khẩu đã áp dụng, thì khoản chênh lệch thuế đó sẽ được hoàn trả cho người nộp thuế. Bộ Thương mại sẽ ra quyết định về việc này.

2. Khoản chênh lệch thuế đã nói tại khoản 1 Điều này sẽ được hoàn trả trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bộ Thương mại ra quyết định áp dụng hay không áp dụng biện pháp tự vệ.

3. Không trả lãi suất đối với khoản chênh lệch thuế nêu tại khoản 1 Điều này.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm tiến hành các thủ tục hoàn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở quyết định của Bộ Thương mại theo quy định tại Điều này.

Điều 13. Áp dụng biện pháp tự vệ đối với các nước kém phát triển

1. Các biện pháp tự vệ có thể không áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ một nước kém phát triển nếu lượng hàng hóa nhập khẩu của nước đó vào Việt Nam không vượt quá 3% tổng lượng hàng hóa nhập khẩu bị điều tra để áp dụng biện pháp tự vệ.

2. Các biện pháp tự vệ vẫn áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ các nước kém phát triển nếu tổng lượng hàng hóa nhập khẩu của các nước đó vào Việt Nam vượt quá 9% tổng lượng hàng hóa nhập khẩu bị điều tra để áp dụng biện pháp tự vệ, cho dù đã có quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc xác định một nước là nước kém phát triển được dựa trên tiêu chuẩn phân loại nước kém phát triển của Liên hợp quốc.

Điều 14. Thông báo áp dụng các biện pháp tự vệ

Quyết định áp dụng biện pháp tự vệ phải được công bố công khai với các nội dung sau:

1. Mô tả chi tiết hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng biện pháp tự vệ, bao gồm cả đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng của hàng hóa, mã số hàng hóa trong biểu thuế nhập khẩu cùng thuế

suất thuế nhập khẩu đang áp dụng, phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu hiện hành của Việt Nam;

2. Mô tả chi tiết hàng hóa tương tự hay hàng hóa cạnh tranh trực tiếp, bao gồm cả đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng;

3. Tên của các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa tương tự hay hàng hóa cạnh tranh trực tiếp;

4. Tên nước hoặc các nước xuất xứ của hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng biện pháp tự vệ;

5. Tóm tắt kết quả điều tra cho thấy sự cần thiết phải áp dụng biện pháp tự vệ;

6. Hình thức, mức độ áp dụng biện pháp tự vệ;

7. Ngày có hiệu lực và thời hạn hiệu lực áp dụng biện pháp tự vệ;

8. Tóm tắt nội dung các chứng cứ về thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng;

9. Kế hoạch điều chỉnh của ngành sản xuất trong nước sản xuất hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp;

10. Hoàn trả chênh lệch thuế nhập khẩu trong thời gian áp dụng biện pháp tạm thời (nếu có);

11. Tên nước hoặc các nước kém phát triển được miễn trừ việc áp dụng biện pháp tự vệ phù hợp với các quy định tại Điều 13 Nghị định này.

Điều 15. Tham vấn trước khi áp dụng các biện pháp tự vệ

1. Trước khi ra quyết định áp dụng các biện pháp tự vệ, Bộ Thương mại tạo cơ hội tham vấn thỏa đáng với các nước có quyền lợi đáng kể trong việc xuất khẩu vào Việt Nam hàng hóa là đối tượng bị áp dụng biện pháp tự vệ.

2. Bộ Thương mại có thể thỏa thuận với các nước có quyền lợi đáng kể theo quy định tại khoản 1 Điều này về hình thức bù đắp thiệt hại để khắc phục những hệ quả bất lợi do việc áp dụng biện pháp tự vệ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Thương mại chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI